

PHỤ LỤC 1

**THỐNG KÊ CÁC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT VỀ QUẢN LÝ THỊ TRƯỜNG BẤT ĐỘNG SẢN VÀ PHÁT TRIỂN NHÀ Ở XÃ HỘI
TỪ NĂM 2015 ĐẾN HẾT NĂM 2022**

(Kèm theo báo cáo số 132/BC-HĐND ngày 01 tháng 4 năm 2024 của Thường trực HĐND tỉnh Đồng Tháp)

TT	VĂN BẢN	THỜI ĐIỂM BAN HÀNH	THỜI ĐIỂM CÓ HIỆU LỰC	CƠ QUAN/ TỔ CHỨC BAN HÀNH
1	Nghị quyết thông qua chương trình phát triển đô thị tỉnh Đồng Tháp đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030	2017	2017	HĐND Tỉnh
2	Quyết định ban hành quy trình thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp	2017	2017	UBND Tỉnh
3	Quyết định quy định về đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp	2018	2018	UBND Tỉnh
4	Quyết định ban hành quy định điều kiện tách thửa, điều kiện hợp thửa, diện tích đất tối thiểu được tách thửa và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với thửa đất có diện tích nhỏ hơn diện tích tối thiểu cho hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp	2021	2021	UBND Tỉnh
5	Quyết định quy định điều kiện, tiêu chí, quy mô, tỷ lệ để tách phần diện tích đất do nhà nước quản lý thành dự án độc lập trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp	2022	2022	UBND Tỉnh
6	Quyết định Ban hành Quy định đối tượng, điều kiện, nguyên tắc xét duyệt và thứ tự ưu tiên cho các đối tượng được mua, thuê, thuê mua nhà ở xã hội tại các dự án đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp	2023	2023	UBND Tỉnh
7	Quyết định Ban hành Quy định khung giá bán, giá cho thuê, giá cho thuê mua nhà ở xã hội do hộ gia đình, cá nhân đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp	2023	2023	UBND Tỉnh
8	Quyết định Ban hành Quy chế phối hợp xây dựng, duy trì hệ thống thông tin, chia sẻ, cung cấp thông tin, dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp	2023	2023	UBND Tỉnh

PHỤ LỤC 2

NHỮNG VƯỚNG MẮC, BẤT CẬP TRONG CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT VỀ QUẢN LÝ THỊ TRƯỜNG BẤT ĐỘNG SẢN VÀ PHÁT TRIỂN NHÀ Ở XÃ HỘI TỪ NĂM 2015 ĐẾN HẾT NĂM 2023

(Kèm theo báo cáo số 132/BC-HĐND ngày 01 tháng 4 năm 2024 của Thường trực HĐND tỉnh Đồng Tháp)

STT	VĂN BẢN	NỘI DUNG VƯỚNG MẮC, BẤT CẬP	GHI CHÚ
A. Nội dung vướng mắc, bất cập trong chính sách, pháp luật về quản lý thị trường bất động sản			
B. Nội dung vướng mắc, bất cập trong chính sách, pháp luật về phát triển nhà ở xã hội			
1	Nghị định số 100/2015/NĐ-CP; Thông tư số 20/2016/TT-BXD của Bộ trưởng Bộ Xây dựng; Thông tư số 76/2014/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính	(1) Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 9 Nghị định số 100/2015/NĐ-CP của Chính phủ quy định: miễn tiền sử dụng đất đối với diện tích đất đã được Nhà nước giao kể cả quỹ đất để xây dựng các công trình kinh doanh thương mại trong dự án nhà ở xã hội và theo điểm c, điểm d khoản 1 Điều 6 Thông tư số 20/2016/TT-BXD thì trong cơ cấu giá bán nhà ở thương mại thuộc dự án nhà ở xã hội đã bao gồm tiền sử dụng đất. (2) khoản 1 Điều 16 Thông tư số 76/2014/TT-BTC ngày 16/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định: “Trường hợp tổ chức kinh tế chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với diện tích đất đã được miễn, giảm tiền sử dụng đất thì phải nộp số tiền sử dụng đất đã được miễn, giảm cho Nhà nước”	

Ghi chú:

- Thống kê những vướng mắc, bất cập trong quy định pháp luật về quản lý thị trường bất động sản được phân loại theo từng lĩnh vực, pháp luật cụ thể như về: đất đai, quy hoạch, kinh doanh bất động sản, nhà ở, xây dựng, dân sự, trái phiếu doanh nghiệp, dân dụng... và phát triển nhà ở xã hội.
- Đánh giá những vướng mắc, bất cập này đã được giải quyết/chưa được giải quyết sau khi các luật có liên quan được sửa đổi và thông qua tính đến kỳ họp thứ 6 (tháng 10/2023), Quốc hội Khóa XV.

PHỤ LỤC 3
THỐNG KÊ CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG NHÀ Ở THƯƠNG MẠI, KHU ĐÔ THỊ
TỪ NĂM 2015 ĐẾN HẾT NĂM 2023

(Kèm theo báo cáo số 132/BC-HĐND ngày 01 tháng 4 năm 2024 của Thường trực HĐND tỉnh Đồng Tháp)

STT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Tổng quy mô sử dụng đất (m2)	Tình hình triển khai dự án			Khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân
				Tổng số sản phẩm bất động sản dự kiến của dự án	Tổng số sản phẩm bất động sản hoàn thành đầu tư xây dựng, đưa vào sử dụng	Tổng số sản phẩm bất động sản đang triển khai, chậm tiến độ	
Giai đoạn năm 2015 - 2020							
1	Khu dân cư Sao Mai Bình Thạnh Trung	- Công ty CP Dầu cá Châu Á	55.587,30	253	253		- Đã chấp thuận chủ trương đầu tư theo Giấy chứng nhận đầu tư dự án cấp ngày 17/02/2017 (cấp lần thứ 01); - Bàn giao đưa vào khai thác sử dụng Quý II-2017
2	Khu dân cư Ngô Thị Thúy Vân	- Ngô Thị Thúy Vân	16.104,64	123	123		- Đã chấp thuận chủ trương đầu tư theo Giấy chứng nhận đầu tư dự án cấp ngày 17/02/2017 (cấp lần thứ 01); - Bàn giao đưa vào khai thác sử dụng Quý I-2019
3	Khu dân cư Vinh Quang	- Ông Nguyễn Vinh Quang	7.061,90	51	51		- Đã chấp thuận chủ trương đầu tư theo Quyết định số 1159/QĐ-UBND-HC cấp ngày 25/09/2018; - Bàn giao đưa vào khai thác sử dụng Quý IV-2018
4	Khu dân cư Văn Danh, thành phố Sa Đéc	- Lương Văn Danh	2.453,60	24	24		- Đã chấp thuận chủ trương đầu tư theo Quyết định số 533/QĐ-UBND-HC cấp ngày 07/06/2019; - Bàn giao đưa vào khai thác sử dụng tháng 11- 2019

STT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Tổng quy mô sử dụng đất (m2)	Tình hình triển khai dự án			Khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân
				Tổng số sản phẩm bất động sản dự kiến của dự án	Tổng số sản phẩm bất động sản hoàn thành đầu tư xây dựng, đưa vào sử dụng	Tổng số sản phẩm bất động sản đang triển khai, chậm tiến độ	
5	Khu dân cư đô thị ấp Phú Long, xã Tân Phú Đông, thành phố Sa Đéc	- Công ty CP tập đoàn FLC	151.181,00	353	353		- Đã chấp thuận chủ trương đầu tư theo Quyết định số 1208/QĐ-UBND-HC cấp ngày 08/10/2018; - Bàn giao đưa vào sử dụng Quý III-2021
6	Khu nhà phố Tân Quy Tây, xã Tân Quy Tây, thành phố Sa Đéc	- Công ty TNHH đầu tư và Vốn góp Shine	3.892,500	49	49		- Đã chấp thuận chủ trương đầu tư theo Quyết định số 270/QĐ-UBND-ĐTXD cấp ngày 28/08/2020; - Bàn giao đưa vào sử dụng Quý III-2021
7	Dự án chợ Hang Mai kết hợp khu dân cư, huyện Châu Thành	- Công ty TNHH Tư vấn - Thiết kế - Xây dựng - Thương mại Kiến Quảng	12.869,600	96	96		- Đã chấp thuận chủ trương đầu tư theo Quyết định số 1619/QĐ-UBND-HC cấp ngày 23/12/2019; - Bàn giao đưa vào sử dụng tháng 6-2020
8	Khu nhà ở Nguyễn Hữu Cánh, khóm 4, phường 1, thành phố Sa Đéc	- Công ty TNHH An Châu Chương House	561,700	8	8		- Đã chấp thuận chủ trương đầu tư theo Quyết định số 361/QĐ-UBND-ĐTXD cấp ngày 12/11/2020; - Bàn giao đưa vào sử dụng Quý IV-2021
Giai đoạn năm 2021 - 2023							
1	Khu trung tâm Dịch vụ, thương mại và nhà ở khóm 4, phường 1, thành phố Sa Đéc	- Công ty TNHH Vĩnh Thiện Đà Nẵng	10.107,000	19	19		- Đã chấp thuận chủ trương đầu tư theo Quyết định số 07/QĐ-UBND-ĐTXD cấp ngày 08/01/2021; - Bàn giao đưa vào sử dụng Quý IV-2024
2	Dự án xây dựng 11 căn phố đường Trần Thị Nhượng, khóm Tân Thuận, phường An Hòa, thành phố Sa Đéc	- Công ty TNHH Tiệp Phát	957,400	11	11		- Đã chấp thuận chủ trương đầu tư theo Công văn số 46/UBND-ĐTXD cấp ngày 02/03/2021; - Bàn giao đưa vào sử dụng năm 2021

STT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Tổng quy mô sử dụng đất (m2)	Tình hình triển khai dự án			Khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân
				Tổng số sản phẩm bất động sản dự kiến của dự án	Tổng số sản phẩm bất động sản hoàn thành đầu tư xây dựng, đưa vào sử dụng	Tổng số sản phẩm bất động sản đang triển khai, chậm tiến độ	
3	Khu dân cư tư nhân Hồng Lan	- Bà: Nguyễn Thị Hồng Lan	10.502,630	72	72		- Đã chấp thuận chủ trương đầu tư theo Công văn số 338/QĐ-UBND.HC cấp ngày 23/03/2021; - Bàn giao đưa vào sử dụng tháng 08/ 2021
4	Khu dân cư mới phường Mỹ Phú - Thành phố Cao Lãnh	- Công ty CP tập đoàn đầu tư Tây Bắc; - Công ty CP Xây dựng và phát triển Thái Dương	163,541	430			Đã chấp thuận chủ trương đầu tư theo Quyết định số 371/QĐ-UBND.HC cấp lần đầu ngày 15/04/2022
5	Khu đô thị Vĩnh Phước	- Công ty Cp tập đoàn đầu tư Tây Bắc	221.000	551			Đã chấp thuận chủ trương đầu tư theo Quyết định số 779/QĐ-UBND.HC cấp lần đầu ngày 18/07/2022
6	Khu dân cư Thiên Hoa	- Công ty TNHH TM đầu tư xây dựng ĐTK land Sa Đéc	29.349,70	164			- Đã chấp thuận chủ trương đầu tư theo Công văn số 1265/ QĐ-UBND-HC cấp ngày 18/11/2022; - Bàn giao đưa vào sử dụng năm tháng 01/2025
7	Khu đô thị mới An Lạc 1 tại huyện Cao Lãnh	Đang kêu gọi đầu tư	56.200,00				- Đã chấp thuận chủ trương đầu tư theo Quyết định số 12/ QĐ-UBND-HC cấp ngày 05/01/2023.

Ghi chú:

- (4) Làm rõ tổng số nhà ở, căn hộ, tổng số diện tích sàn thương mại dịch vụ dự kiến của dự án bất động sản;
- (5) Làm rõ tổng số nhà ở, căn hộ, tổng số diện tích sàn thương mại dịch vụ đã hoàn thành đầu tư xây dựng, đưa vào sử dụng của dự án bất động sản;
- (6) Làm rõ tổng số nhà ở, căn hộ, tổng số diện tích sàn thương mại dịch vụ đang triển khai, chậm tiến độ;
- (7) Tóm lược những khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân đối với những dự án đầu tư xây dựng nhà ở thương mại, khu đô thị đã được chấp thuận chủ trương đầu tư nhưng chưa triển khai hoặc chậm triển khai.

PHỤ LỤC 4A
THỐNG KÊ CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH KẾT CẤU HẠ TẦNG KHU CÔNG NGHIỆP TỪ NĂM 2015 ĐẾN HẾT NĂM 2023
(Kèm theo báo cáo số 132/BC-HĐND ngày 01 tháng 4 năm 2024 của Thường trực HĐND tỉnh Đồng Tháp)

TT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Cơ cấu vốn của dự án	Tổng mức đầu tư	Tổng quy mô sử dụng đất	Tình hình triển khai dự án			Khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân
						Tổng số sản phẩm bất động sản dự kiến của dự án	Tổng số sản phẩm bất động sản hoàn thành đầu tư xây dựng, đưa vào sử dụng	Tổng số sản phẩm bất động sản đang triển khai, chậm tiến độ	
Giai đoạn năm 2015 - 2020									
1	Dự án đầu tư xây dựng Hạ tầng KCN Tân Kiều, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp	<div>- Ban Quản lý Khu kinh tế Đồng Tháp: chủ đầu tư dự án Thành phần 1</div> <div>- Công ty Cổ phần Xây lắp và Vật liệu xây dựng Đồng Tháp: chủ đầu tư dự án Thành phần 2</div>	<div>- Vốn ngân sách nhà nước</div> <div>-Vốn tự có, vốn vay, vốn huy động hợp pháp khác</div>	1.266,175 tỷ đồng; trong đó vốn NSNN: 476,260 tỷ đồng, Vốn chủ sở hữu (vốn tự có của công ty), vốn vay và huy động hợp pháp khác: 789,915 tỷ đồng	Đất QH: 148,71ha	Đất công nghiệp: 101,82 ha	<div>- Dự án Thành phần 1: các hạng mục cơ bản hoàn thành</div> <div>- Dự án Thành phần 2: đã San lấp mặt bằng toàn bộ Khu công nghiệp</div>	<div>- Dự án Thành phần 2: các hạng mục đang triển khai gồm: + Hệ thống giao thông nội bộ Khu công nghiệp (kể cả vỉa hè) đường số 1, số 1a, số 2, số 3, số 4, số 5 + Hệ thống thu gom nước thải toàn bộ Khu công nghiệp + Hệ thống thoát nước mưa toàn bộ trong hàng rào Khu công nghiệp + Nhà máy xử lý nước thải tập trung modul 2 và 3. + Hệ thống đường ống cấp nước toàn bộ Khu công nghiệp + Hệ thống cấp điện + Cây xanh đường số 1, 1a, số 2, đường số 3, đường số 4 và cây xanh cách ly của Khu công nghiệp + Nhà máy cấp nước + Bến bãi lên xuống hàng hóa + Âu thuyền, bờ kè.</div>	Dự án Thành phần 2: gặp khó khăn về giá vật tư thực tế tăng cao do biến động giá (các hạng mục công trình trong dự án đã được duyệt thấp hơn giá hiện tại), nên giá dự toán đã được phê duyệt không còn phù hợp. Đang xin điều chỉnh chủ trương đầu tư đầu tư dự án.
Giai đoạn năm 2021 - 2023									
1	Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật KCN Sông Hậu, giai đoạn 2	Trung tâm Đầu tư và Khai thác hạ tầng	từ nguồn thu chênh lệch từ tiền sử dụng đất do Trung tâm Đầu tư và Khai thác hạ tầng cho doanh nghiệp thứ cấp thuê lại	36,363 tỷ đồng	Đất QH: 63,56 ha	Đất công nghiệp: 52,28 ha	Các hạng mục thuộc dự án đã hoàn thành		

PHỤ LỤC 4B
THỐNG KÊ CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH KẾT CẤU HẠ TẦNG CỤM CÔNG NGHIỆP TỪ NĂM 2015 ĐẾN HẾT NĂM 2023
(Kèm theo báo cáo số 132/BC-HĐND ngày 01 tháng 4 năm 2024 của Thường trực HĐND tỉnh Đồng Tháp)

TT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Cơ cấu vốn của dự án	Tổng mức đầu tư (tỷ đồng)	Tổng quy mô sử dụng đất (ha)	Tình hình triển khai dự án			Khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân
						Tổng số sản phẩm bất động sản dự kiến của dự án (ha)	Tổng số sản phẩm bất động sản hoàn thành đầu tư xây dựng, đưa vào sử dụng (ha)	Tổng số sản phẩm bất động sản đang triển khai, chậm tiến độ (ha)	
Giai đoạn năm 2015 - 2020									
1	CCN Cái Tàu Hạ - An Nhơn	UBND huyện Châu Thành	Vốn NSNN	103,0	41,39	6,07	6,07	0,00	
2	CCN Bắc Sông Xáng	UBND huyện Lấp Vò	Vốn NSNN	47,2	15,38	11,36	11,36	0,00	
3	CCN Cần Lố	UBND huyện Cao Lãnh	Vốn NSNN	18,6	15,00	11,30	11,30	0,00	
4	CCN Bình Thành	UBND huyện Thanh Bình	Vốn NSNN	57,2	49,25	44,03	44,03	0,00	
5	CCN An Bình	UBND huyện Cao Lãnh	Vốn NSNN	7,6	16,46	15,30	7,90	8,40	
6	CCN Mỹ Hiệp	UBND huyện Cao Lãnh	Vốn NSNN	110,4	58,00	48,71	37,81	10,90	
7	CCN Trường Xuân	UBND huyện Tháp Mười	Vốn NSNN	58,7	93,10	61,03	61,03	0,00	
8	CCN Tân Dương	Công ty TNHH Đầu tư sản xuất dịch vụ Đồng Tháp	Vốn Doanh nghiệp	62,0	16,61	10,21	0,00	10,21	Chậm tiến độ
9	CCN Vàm Cống	Công ty CP Đầu tư và phát triển đa quốc gia (IDI)	Vốn Doanh nghiệp	185,0	18,70	10,14	10,14	0,00	
10	CCN Phong Mỹ	Công ty cổ phần Domenal	Vốn Doanh nghiệp	4,0	5,50	5,50	5,50	0,00	
11	CCN Phú Cường	Công ty TNHH Chế biến thủy sản Hoàng Long	Vốn Doanh nghiệp	192,0	14,50	6,07	6,07	0,00	
12	CCN Định An	Công ty CP Đầu tư Khang Duy Long	Vốn Doanh nghiệp	325,0	49,90	32,33	0,00	32,33	Chưa đưa vào hoạt động
13	CCN Tân Lập	Công ty CP Xây lắp và VLXD Đồng Tháp	Vốn Doanh nghiệp	374,5	49,6	36,40	36,40	0,00	
	Tổng			1545,2	393,79	298,45	237,61	61,84	

TT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Cơ cấu vốn của dự án	Tổng mức đầu tư (tỷ đồng)	Tổng quy mô sử dụng đất (ha)	Tình hình triển khai dự án			Khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân
						Tổng số sản phẩm bất động sản dự kiến của dự án (ha)	Tổng số sản phẩm bất động sản hoàn thành đầu tư xây dựng, đưa vào sử dụng (ha)	Tổng số sản phẩm bất động sản đang triển khai, chậm tiến độ (ha)	
Giai đoạn năm 2021 - 2023									
14	CCN Quảng Khánh	Trung tâm Đầu tư và khai thác hạ tầng (trực thuộc Ban QLKKT)	Vốn NSNN	738,0	50,00	31,84	11,17	20,67	Đang đầu tư xây dựng giai đoạn 1
15	CCN An Hòa	Công ty CP Hùng Cá Hồng Ngự	Vốn Doanh nghiệp	390,0	43,00	20,82	0,00	20.82	Đang lập thủ tục đầu tư hạ tầng
	Tổng			1128,0	93,00	52,66	11,17	20,67	

PHỤ LỤC 6
THỐNG KÊ TÌNH HÌNH ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT TỈNH ĐỒNG THÁP
TỪ NĂM 2015 ĐẾN HẾT NĂM 2023

(Kèm theo báo cáo số 132/BC-HĐND ngày 01 tháng 4 năm 2024 của Thường trực HĐND tỉnh Đồng Tháp)

TT	Loại đất	Hiện trạng năm 2015 (ha)	Diện tích theo quy hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt (2016-2020) (ha)	Diện tích theo điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt (ha)	Ghi chú
Giai đoạn 2015 - 2020					
1	Đất khu công nghiệp	246	1.266		
2	Đất cụm công nghiệp	346	1.290		
3	Đất thương mại, dịch vụ (cho các dự án bất động sản)	178	599		Theo quy hoạch sử dụng đất, đối với diện tích đất thương mại, dịch vụ được xác định theo Thông tư số 27/2018/TT-BTNMT ngày 14/12/2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường (không xác định chi tiết cho các dự án bất động sản)
4	Đất ở (cho các dự án bất động sản)	14.535	15.751		Theo quy hoạch sử dụng đất, đối với diện tích đất ở được xác định theo Thông tư số 27/2018/TT-BTNMT ngày 14/12/2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường (không xác định chi tiết cho các dự án bất động sản)
Giai đoạn 2021 - 2023					
1	Đất khu công nghiệp				Thực hiện Luật Quy hoạch năm 2017. Tỉnh Đồng Tháp tiến hành lập Quy hoạch tỉnh cho giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (không lập quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh). Do đó, đối với các loại đất như: Khu công nghiệp, cụm công nghiệp, thương mại, dịch vụ và đất ở tỉnh Đồng Tháp thực hiện theo quy hoạch tỉnh được phê duyệt
2	Đất cụm công nghiệp				
3	Đất thương mại, dịch vụ (cho các dự án bất động sản)				
4	Đất ở (cho các dự án bất động sản)				

PHỤ LỤC 7

DANH SÁCH CÁC DỰ ÁN BẤT ĐỘNG SẢN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG THÁP GIAI ĐOẠN 2015-2023

(Kèm theo báo cáo số 132/BC-HĐND ngày 01 tháng 4 năm 2024 của Thường trực HĐND tỉnh Đồng Tháp)

Stt	Tên chủ đầu tư	Dự án	Diện tích được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất			Diện tích được cấp GCN theo Quyết định giao, thuê, CMD của UB tỉnh			Số lượng Giấy CNQSDĐ (Giấy)	Ghi chú
			Tổng	Đất ở (m ²)	Đất phi nông nghiệp (m ²)	Tổng	Đất ở (m ²)	Đất phi nông nghiệp (m ²)		
I. Đấu giá quyền sử dụng đất (05 dự án)			19.916,3	11.835,7	8.080,6	19.916,3	11.835,7	8.080,6	34	
1	Công ty TNHH Tiệp Phát	Tuyển dân cư đường Trần Thị nương, tọa lạc phường An Hòa, thành phố Sa Đéc	957,4	957,4	0,0	957,4	957,4	0,0	11	
2	Công ty Cổ phần xây lắp và VLXD Đồng Tháp	Đấu giá QSDĐ tại khu dân cư Bờ đông (giai đoạn 2), phường An Thạnh, thị xã Hồng Ngự	4.958,6	4.958,6	0,0	4.958,6	4.958,6	0,0	12	
3	Công ty TNHH Đầu tư và vốn góp Shine	Đấu giá QSDĐ thực hiện dự án khu nhà phố Tân Quy Tây, thuộc xã Tân Quy Tây, thành phố Sa Đéc	3.550,6	3.550,6	0,0	3.550,6	3.550,6	0,0	1	Toàn bộ dự án cấp chung một Giấy chứng nhận QSDĐ
4	Công ty TNHH Vĩnh Thiện Đà Nẵng	Đấu giá QSDĐ thực hiện dự án xây dựng Trung Tâm dịch vụ, thương mại và nhà ở khóm 4, phường 1, thành phố Sa Đéc	9.888,0	1.807,4	8.080,6	9.888,0	1.807,4	8.080,6	2	Toàn bộ dự án cấp chung một Giấy chứng nhận QSDĐ
5	Công ty TNHH An Châu Chương	Đấu giá QSDĐ thực hiện dự án khu nhà phố Nguyễn Hữu Cảnh, khóm 4, phường 1, thành phố Sa Đéc	561,7	561,7	0,0	561,7	561,7	0,0	8	
II. Giao đất, thuê đất không thông qua đấu giá (07 dự án)			127.859,1	94.755,2	33.103,9	121.601,6	88.497,7	33.103,9	223	
1	Công ty TNHH MTV xây lắp và VLXD Đồng Tháp (nay là Công ty Cổ phần xây lắp và VLXD Đồng Tháp)	Dự án xây dựng nhà phố tuyến đô thị đường Trần Thị Nương, phường 1, thành phố Sa Đéc	4.363,5	4.363,5	0,0	4.363,5	4.363,5	0,0	48	

Stt	Tên chủ đầu tư	Dự án	Diện tích được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất			Diện tích được cấp GCN theo Quyết định giao, thuê, CMĐ của UB tỉnh			Số lượng Giấy CNQSĐĐ (Giấy)	Ghi chú
			Tổng	Đất ở (m ²)	Đất phi nông nghiệp (m ²)	Tổng	Đất ở (m ²)	Đất phi nông nghiệp (m ²)		
2	Công ty TNHH MTV Phát triển đô thị Tuấn Nguyễn	Dự án đầu nối tuyến dân cư thị trấn Lai Vung, huyện Lai Vung của Công ty TNHH MTV Phát triển đô thị Tuấn Nguyễn	315,2	315,2	0,0	315,2	315,2	0,0	7	
3	Công ty Cổ phần Vincom Retail (dự án thành phố Sa Đéc)	Dự án khu trung tâm dịch vụ thương mại Khóm 4, phường 1, thành phố Sa Đéc	10.450,7	3.413,7	7.037,0	10.450,7	3.413,7	7.037,0	41	
4	Công ty Cổ phần Vincom Retail (dự án thành phố Cao Lãnh)	Dự án khu trung tâm dịch vụ thương mại và shophouse Cao Lãnh – Đồng Tháp, tọa lạc phường 1, thành phố Cao Lãnh	13.530,0	8.563,6	4.966,4	13.530,0	8.563,6	4.966,4	102	
5	Công ty TNHH XNK Phương Thanh	Dự án trung tâm dịch vụ, thương mại và du lịch tọa lạc phường 2, thành phố Sa Đéc	18.834,6	1.454,6	17.380,0	18.834,6	1.454,6	17.380,0	18	
6	Công ty Cổ phần Tập đoàn FLC	Dự án khu dân cư đô thị ấp Phú Long, xã Tân Phú Đông, thành phố Sa Đéc	57.399,6	53.679,1	3.720,5	57.399,6	53.679,1	3.720,5	6	Toàn bộ dự án cấp chung một Giấy chứng nhận QSDĐ
7	Công ty CP Vĩnh Hoàn	Dự án Nhà ở cho người lao động tọa lạc Khu dân cư Trần Quốc Toàn, phường 11, thành phố Cao Lãnh	16.708,0	16.708,0	0,0	16.708,0	16.708,0	0,0	1	
8	Công ty cổ phần khai thác xây dựng Vận tải Phương Nam	Dự án Nhà ở xã hội Mỹ Phú, phường Mỹ Phú, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp	6.257,5	6.257,5	0,0	0,0	0,0	0,0	Chưa cấp Giấy	Đang thẩm định
III. Chuyển mục đích sử dụng đất (10 dự án)			106.590,9	96.344,8	10.246,1	105.494,0	95.247,9	10.246,1	1091	
1	Công ty TNHH MTV BĐS Nguyễn Hùng	Dự án Nhà ở xã hội Nguyễn Hùng thị xã Hồng Ngự, tọa lạc phường An Thạnh, thành phố Hồng Ngự	8.441,0	8.441,0	0,0	8.441,0	8.441,0	0,0	89	
2	Công ty TNHH MTV phát triển chợ Thảo Huyền	Dự án xây dựng chợ Phương Trà, xã Phương Trà, huyện Cao Lãnh	12.101,4	10.205,9	1.895,5	12.101,4	10.205,9	1.895,5	128	

Stt	Tên chủ đầu tư	Dự án	Diện tích được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất			Diện tích được cấp GCN theo Quyết định giao, thuê, CMĐ của UB tỉnh			Số lượng Giấy CNQSDĐ (Giấy)	Ghi chú
			Tổng	Đất ở (m ²)	Đất phi nông nghiệp (m ²)	Tổng	Đất ở (m ²)	Đất phi nông nghiệp (m ²)		
3	Công ty TNHH MTV xây dựng Thanh Hùng Phát (dự án Lai Vung)	Dự án mở rộng chợ Ngã Năm Cây Trăm, tọa lạc xã Long Thắng, huyện Lai Vung	7.839,1	5.572,1	2.267,0	7.839,1	5.572,1	2.267,0	88	
4	Công ty TNHH MTV xây dựng Thanh Hùng Phát (dự án Lấp Vò)	Dự án xây dựng chợ Thầy Lâm, xã Mỹ An Hưng B, huyện Lấp Vò	11.111,3	9.308,5	1.802,8	11.111,3	9.308,5	1.802,8	171	
5	Công ty TNHH MTV Dương Khang	Dự án chợ dân lập Tân Long và Khu dân cư, tọa lạc xã Tân Long, huyện Thanh Bình	6.650,6	4.406,5	2.244,1	6.650,6	4.406,5	2.244,1	55	
6	Công ty Cổ phần đầu tư phát triển nhà và Khu công nghiệp Đồng Tháp	Dự án Khu dân cư phường Mỹ Phú (giai đoạn 1), thành phố Cao Lãnh	11.728,6	11.659,7	68,9	11.728,6	11.659,7	68,9	62	
7	Công ty Cổ phần đầu tư cá Châu Á	Dự án Khu dân cư Sao Mai Bình, tọa lạc xã Thành Trung, huyện Lấp Vò	28.806,3	28.806,3	0,0	28.806,3	28.806,3	0,0	279	
8	Công ty TNHH Nguyễn Vang	Dự án chợ Phong Hòa, tọa lạc xã Phong Hòa, huyện Lai Vung	1.096,9	1.096,9	0,0	0,0	0,0	0,0	Chưa cấp Giấy	Chưa hoàn thành nghĩa vụ tài chính về đất đai
9	Công ty TNHH xây dựng – BĐS Thanh Vân	Dự án Khu dân cư Ngô Thị Thúy Vân, tọa lạc Phường An Hòa, thành phố Sa Đéc	11.610,5	11.118,9	491,6	11.610,5	11.118,9	491,6	121	
10	Công ty TNHH Tư vấn – Thiết kế - Xây dựng – Thương mại Kiến Quảng	Dự án chợ Hang Mai kết hợp khu dân cư, tọa lạc xã An Nhơn, huyện Châu Thành	7.205,2	5.729,0	1.476,2	7.205,2	5.729,0	1.476,2	98	
Tổng			254.366,3	202.935,7	51.430,6	247.011,9	195.581,3	51.430,6	1.348,0	

PHỤ LỤC 8
THỐNG KÊ CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG NHÀ Ở XÃ HỘI TỪ NĂM 2015 ĐẾN HẾT NĂM 2023
(Kèm theo báo cáo số 132/BC-HĐND ngày 01 tháng 4 năm 2024 của Thường trực HĐND tỉnh Đồng Tháp)

TT	Tên dự án	ĐẦU TƯ THEO HÌNH THỨC			TỔNG DIỆN TÍCH SÀN XÂY DỰNG	TỔNG SỐ CĂN HỘ	SỐ TẦNG	GHI CHÚ
		Nhà nước đầu tư	Doanh nghiệp, hợp tác xã bỏ vốn đầu tư	Hộ gia đình, cá nhân bỏ vốn đầu tư				
Giai đoạn 2015 - 2020								
1	Nhà ở xã hội Song Hải Long		x		11.232	156	2	
2	Nhà ở xã hội Nguyễn Hùng		x		3.200	100	1	
Giai đoạn 2021 - 2023								
1	Nhà ở cho người lao động Vĩnh Hoàn		x		17.640	392	4	
2	Nhà ở xã hội Mỹ Phú		x		46.848	504	16	

PHỤ LỤC 9

THỐNG KÊ VỀ NHÀ Ở XÃ HỘI CHO CÔNG NHÂN LÀM VIỆC Ở CÁC DOANH NGHIỆP TRONG VÀ NGOÀI KHU CÔNG NGHIỆP TỪ NĂM 2015 ĐẾN HẾT NĂM 2023

(Kèm theo báo cáo số 132/BC-HĐND ngày 01 tháng 4 năm 2024 của Thường trực HĐND tỉnh Đồng Tháp)

STT	TÊN DỰ ÁN	CHỦ ĐẦU TƯ	TỔNG DIỆN TÍCH	TỔNG SỐ CĂN HỘ	SỐ TẦNG	GIÁ THUÊ (Tính trên 1 m2)	GIÁ THUÊ MUA (Tính trên 1 m2)	GHI CHÚ
Giai đoạn 2015-2020								
Giai đoạn 2021-2023								
1	Nhà ở cho người lao động Vĩnh Hoàn		x	431	4	Chưa có	Chưa có	

PHỤ LỤC 10

**THỐNG KÊ ĐỐI TƯỢNG ĐƯỢC HƯỞNG CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ VỀ NHÀ Ở XÃ HỘI THEO HÌNH THỨC CHO THUÊ, CHO THUÊ MUA, BÁN NHÀ Ở XÃ HỘI
TỪ NĂM 2015 ĐẾN HẾT NĂM 2023**

(Kèm theo báo cáo số 132/BC-HĐND ngày 01 tháng 4 năm 2024 của Thường trực HĐND tỉnh Đồng Tháp)

STT	Đối tượng	Giải quyết cho thuê nhà ở xã hội		Giải quyết cho thuê mua nhà ở xã hội		Giải quyết bán nhà ở xã hội	
		Số lượng đủ điều kiện	Tỷ lệ	Số lượng đủ điều kiện	Tỷ lệ	Số lượng đủ điều kiện	Tỷ lệ
1	Người có công với cách mạng	0	-	-	-	0	-
2	Người thu nhập thấp, hộ nghèo, cận nghèo tại khu vực đô thị	8	5,13	-	-	54	34,62
3	Người lao động đang làm việc tại các doanh nghiệp trong và ngoài khu công nghiệp	0	-	-	-	5	3,21
4	Sĩ quan, hạ sĩ quan nghiệp vụ, hạ sĩ quan chuyên môn kỹ thuật, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân trong cơ quan, đơn vị thuộc công an nhân dân và quân đội nhân dân	1	0,64	-	-	1	0,64
5	Cán bộ, công chức, viên chức	2	1,28	-	-	6	3,85
6	Các đối tượng đã trả lại nhà ở công vụ theo quy định tại khoản 5 Điều 81 của Luật Nhà ở	0	-	-	-	0	-
7	Học sinh, sinh viên các học viện, trường đại học, cao đẳng, dạy nghề; học sinh dân tộc nội trú công lập được sử dụng nhà ở trong thời gian học tập	0	-	-	-	0	-
8	Hộ gia đình, cá nhân thuộc diện bị thu hồi đất và phải giải tỏa, phá dỡ nhà ở theo quy định của pháp luật mà chưa được Nhà nước bồi thường bằng nhà ở, đất ở	0	-	-	-	0	-
TỔNG SỐ		11	7,05	-	-	66	42,31

PHỤ LỤC 11

THỐNG KÊ ĐỐI TƯỢNG ĐƯỢC HƯỞNG CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ VỀ NHÀ Ở XÃ HỘI THEO HÌNH THỨC HỖ TRỢ CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU VỀ NHÀ Ở, HỖ TRỢ GIAO ĐẤT Ở CÓ MIỄN, GIẢM TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT TỪ NĂM 2015 ĐẾN HẾT NĂM 2023

(Kèm theo báo cáo số 132/BC-HĐND ngày 01 tháng 4 năm 2024 của Thường trực HĐND tỉnh Đồng Tháp)

STT	Đối tượng	Hỗ trợ các chương trình mục tiêu về nhà ở		Hỗ trợ giao đất ở có miễn, giảm tiền sử dụng đất		Ghi chú
		Số lượng đủ điều kiện	Tỷ lệ	Số lượng đủ điều kiện	Tỷ lệ	
1	Người có công với cách mạng	2.750	100%	40	78%	giảm trung bình 78% tiền sử dụng đất
2	Hộ gia đình nghèo, cận nghèo tại khu vực nông thôn	1.110	71%	-	-	hỗ trợ nhà ở theo 33/2015/QĐ-TTg
3	Hộ gia đình tại khu vực nông thôn thuộc vùng thường xuyên bị ảnh hưởng bởi thiên tai, biến đổi khí hậu	3.260	-	-	-	Chương trình cụm, tuyển dân cư
TỔNG SỐ		7.120	-	40	-	

PHỤ LỤC 13

THỐNG KÊ ĐỐI TƯỢNG ĐƯỢC HƯỞNG CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ VỀ NHÀ Ở XÃ HỘI THEO HÌNH THỨC HỖ TRỢ CHO VAY VỐN ƯU ĐÃI CỦA NHÀ NƯỚC THÔNG QUA NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI, TỔ CHỨC TÍN DỤNG DO NHÀ NƯỚC CHỈ ĐỊNH TỪ NĂM 2015 ĐẾN HẾT NĂM 2023

(Kèm theo báo cáo số 132/BC-HĐND ngày 01 tháng 4 năm 2024 của Thường trực HĐND tỉnh Đồng Tháp)

STT	Đối tượng	Hỗ trợ cho vay vốn ưu đãi của Nhà nước thông qua Ngân hàng Chính sách xã hội		Hỗ trợ cho vay vốn ưu đãi của Nhà nước thông qua tổ chức tín dụng do Nhà nước chỉ định		Ghi chú
		Số lượng đủ điều kiện	Tỷ lệ	Số lượng đủ điều kiện	Tỷ lệ	
1	Người có công với cách mạng	2	100%			
2	Người thu nhập thấp, hộ nghèo, cận nghèo tại khu vực đô thị	28	100%			
3	Người lao động đang làm việc tại các doanh nghiệp trong và ngoài khu công nghiệp	17	100%			
4	Sĩ quan, hạ sĩ quan nghiệp vụ, hạ sĩ quan chuyên môn kỹ thuật, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân trong cơ quan, đơn vị thuộc công an nhân dân và quân đội nhân dân	54	100%			
5	Cán bộ, công chức, viên chức	382	100%			
TỔNG SỐ		483	100%			

PHỤ LỤC 14

THỐNG KÊ BỐ TRÍ QUỸ ĐẤT ĐỂ PHÁT TRIỂN NHÀ Ở XÃ HỘI TỪ NĂM 2015 ĐẾN HẾT NĂM 2023

(Kèm theo báo cáo số 132/BC-HĐND ngày 01 tháng 4 năm 2024 của Thường trực HĐND tỉnh Đồng Tháp)

STT	Tên dự án	Đất được Nhà nước giao để xây dựng nhà ở xã hội	Đất được Nhà nước cho thuê để xây dựng nhà ở xã hội	Đất ở trong dự án đầu tư xây dựng nhà ở thương mại mà chủ đầu tư phải dành để xây dựng nhà ở xã hội	Đất ở hợp pháp của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân dùng để xây dựng nhà ở xã hội	GHI CHÚ
Giai đoạn 2015-2020						
1	Nhà ở xã hội Song Hải Long	x				
2	Nhà ở xã hội Nguyễn Hùng				x	
Giai đoạn 2021-2023						
1	Nhà ở cho người lao động Vĩnh Hoàn	x				
2	Nhà ở xã hội Mỹ Phú	x				

PHỤ LỤC 15

THỐNG KÊ BỐ TRÍ QUỸ ĐẤT Ở TRONG DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG NHÀ Ở THƯƠNG MẠI MÀ CHỦ ĐẦU TƯ PHẢI DÀNH ĐỂ XÂY DỰNG NHÀ Ở XÃ HỘI TỪ NĂM 2015 ĐẾN HẾT NĂM 2023

(Kèm theo báo cáo số 132/BC-HĐND ngày 01 tháng 4 năm 2024 của Thường trực HĐND tỉnh Đồng Tháp)

STT	TÊN DỰ ÁN	ĐÔ THỊ LOẠI ĐẶC BIỆT		ĐÔ THỊ LOẠI I		ĐÔ THỊ LOẠI II		ĐÔ THỊ LOẠI III		ĐÔ THỊ LOẠI IV		ĐÔ THỊ LOẠI V		Hình thức khác (1)	
		Diện tích	Tỷ lệ so với dự án nhà ở thương mại	Diện tích	Tỷ lệ so với dự án nhà ở thương mại	Diện tích	Tỷ lệ so với dự án nhà ở thương mại	Diện tích	Tỷ lệ so với dự án nhà ở thương mại	Diện tích	Tỷ lệ so với dự án nhà ở thương mại	Diện tích	Tỷ lệ so với dự án nhà ở thương mại	Nộp tiền thay cho bố trí quỹ đất	Chuyển quỹ nhà ở tương đương giá trị quỹ đất 20%
Giai đoạn năm 2015 - 2020															
1	Khu dân cư đô thị ấp Phú Long, xã Tân Phú Đông, TP Sa Đéc							10760	20%						
Giai đoạn năm 2021 - 2023															
1	Khu dân cư mới phường Mỹ Phú					11861	20%								
2	Khu đô thị Vĩnh Phước														
3	Khu đô thị Đông An Thạnh							30000	20%						
4	11 căn phố Trần Thị Nhượng													x	
5	Khu Nhà phố Tân Quy Tây													x	
6	Khu dân cư Ngô Thị Thúy Vân													x	
7	Khu trung tâm Dịch vụ, Thương mại và nhà ở Khóm 4, phường 1													x	

(1) Khoản 2 Điều 5 Nghị định số 100/2015/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 49/2021/NĐ-CP về phát triển và quản lý nhà ở xã hội quy định: "2. Trường hợp dự án xây dựng nhà ở thương mại, khu đô thị có quy mô sử dụng đất nhỏ hơn 2ha tại các đô thị loại đặc biệt và loại I hoặc nhỏ hơn 5ha tại các đô thị loại II và loại III thì chủ đầu tư không phải dành quỹ đất 20% và có nghĩa vụ nộp tiền sử dụng đất cho toàn bộ diện tích đất của dự án theo quy định của pháp luật về đất đai."

PHỤ LỤC 17

THỐNG KÊ VỀ CHÍNH SÁCH ƯU ĐÃI CỦA NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI CHỦ ĐẦU TƯ DỰ ÁN XÂY DỰNG NHÀ Ở XÃ HỘI TỪ NĂM 2015 ĐẾN HẾT NĂM 2023

(Kèm theo báo cáo số 132/BC-HĐND ngày 01 tháng 4 năm 2024 của Thường trực HĐND tỉnh Đồng Tháp)

STT	Tên dự án	Miễn tiền sử dụng đất, tiền thuê đất đối với diện tích đất được Nhà nước giao hoặc cho thuê để đầu tư xây dựng nhà ở xã hội	Miễn, giảm thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp	Vay vốn ưu đãi từ ngân hàng CSXH, tổ chức tín dụng đang hoạt động tại Việt Nam	Hỗ trợ toàn bộ hoặc một phần kinh phí đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật trong phạm vi dự án xây dựng nhà ở xã hội	Các ưu đãi khác theo quy định của pháp luật (2)	
						Dành 20% tổng diện tích đất để xây dựng nhà ở trong phạm vi dự án xây dựng nhà ở xã hội để đầu tư xây dựng công trình kinh doanh thương mại	Dành 20% tổng diện tích sàn nhà ở của dự án xây dựng nhà ở xã hội để bán, cho thuê, thuê mua theo giá kinh doanh thương mại
Giai đoạn 2015-2020							
1	Nhà ở xã hội Song Hải Long	x	x			x	
2	Nhà ở xã hội Nguyễn Hùng	x	x			x	
Giai đoạn 2021-2023							
1	Nhà ở cho người lao động Vĩnh Hoàn	x	x			x	
2	Nhà ở xã hội Mỹ Phú	x	x	x		x	

(2) Theo quy định tại điểm b, điểm c khoản 1 Điều 9 của Nghị định số 100/2015/NĐ-CP về phát triển và quản lý nhà ở xã hội.